toµ ¸n nh©n d©n
KHU VỰC 7 - hµ néi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **298**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Trang - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Phụ

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thông - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 798/2025/TLST-HNG ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Quang L, sinh năm 1985 (Số CCCD: 001085027277)

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1985 (Số CCCD: 001185035658)

Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, thành phố Hà Nội

Có mặt anh L, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 11 tháng 12 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là anh Phùng Quang L trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Lê Thị T lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 02 năm 2005 tại UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi lấy nhau chị T về làm dâu gia đình anh ngay, vợ chồng sống cùng gia đình anh thời gian ngắn thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2025 đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay anh xác định giữa anh và chị T không còn tình cảm nên anh đề nghị ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phùng Quang T1, sinh ngày 15/6/2006 và Phùng Quang Đ, sinh ngày 21/8/2010. Ly hôn cháu T1 đã trưởng thành, anh không có đề nghị gì, anh đề nghị nuôi cháu Đ, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Anh tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là chị Lê Thị T trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Phùng Quang L lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 02 năm 2005 tại UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L thường xuyên gây áp lực tinh thần đối với chị còn đánh chị nhiều lần. Anh L đánh chị kể từ năm 2005 khi chị vừa xảy thai lần đầu. Trong quá trình chung sống, anh L thỉnh thoảng lại đánh chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Mẹ chồng chị đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ chị nên vì con chị đã nhiều lần tha thứ cho anh L. Tuy nhiên anh L không thay đổi, mỗi lần anh L uống rượu về lại nói chị khiến cuộc sống của mẹ con chị lúc nào cũng mệt mỏi. Từ đầu tháng 9 năm 2025 đến nay vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm,

chăm sóc gì nhau nhưng anh L vẫn tiếp tục nói xấu, bôi nhọ chị. Nay chị xác định giữa chị và anh L không còn tình cảm nhưng chị không đồng ý ly hôn vì trước khi anh L làm đơn ly hôn, anh L không nói gì với chị, vợ chồng không ngồi lại để thỏa thuận gì.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phùng Quang T1, sinh ngày 15/6/2006 và Phùng Quang Đ, sinh ngày 21/8/2010. Ly hôn cháu T1 đã trưởng thành, chị không có đề nghị gì. Hiện nay cháu Đ đang ở với anh L và có nguyện vọng tiếp tục ở với anh L nên chị đề nghị anh L nuôi cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì tài sản chung của vợ chồng chị anh L đã lừa chị ký từ chối tài sản để cho anh L đứng tên, còn các tài sản khác thì anh L quản lý từ trước đến này chị không biết nên chị không xuất trình được tài liệu cho Tòa án. Chị đề nghị anh L phải sang tên cho các con toàn bộ tài sản hiện nay của anh L.

-Về án phí: Chị đồng ý để anh L chịu toàn bộ án phí ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: + Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Giao con chung là Phùng Quang Đ, sinh ngày 21/8/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Anh L phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là chị Lê Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn B, xã Y, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn – chị Lê Thị T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội đã tống đạt hợp lệ các quyết định cho chị T nhưng chị T vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung: Anh Phùng Quang L và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc ngày (nay là UBND xã Y, thành phố Hà Nội) ngày 15/02/2005. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh L, chị T chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đánh, chửi, gây áp lực về tinh thần đối với chị. Chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh L không thay đổi thái đội đối với chị. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Anh L xin ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh L, chị T có 02 con chung là Phùng Quang T1, sinh ngày 15/6/2006 và Phùng Quang Đ, sinh ngày 21/8/2010. Cháu T1 đã thành niên, khỏe mạnh, anh chị không có đề nghị gì nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh L, chị T đều thống nhất giao cháu Đ cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Xét

ý kiến của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật và nguyệ vọng của cháu Đ nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Anh L, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. VÒ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phùng Quang L, cho anh Phùng Quang L được ly hôn chị Lê Thị T.

2. VÒ con chung: Xác định anh L, chị T có 02 con chung là Phùng Quang T1, sinh ngày 15/6/2006 và Phùng Quang Đ, sinh ngày 21/8/2010. Cháu T1 đã thành niên, anh chị không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Giao con chung là Phùng Quang Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phùng Quang L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019825 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Phùng Quang L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Yên Lãng, TP Hà Nội
- Lưu: Văn Phòng, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thu Trang